

**QUYẾT ĐỊNH**  
Về việc thực hiện Quy chế công khai  
Theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo – Năm học 2025 - 2026

**TRƯỜNG MẦM NON GIAO NHÂN**

Căn cứ Điều lệ trường mầm non Ban hành kèm theo Thông tư 09/2015/TT-BGDĐT ngày 14/5/2014 của Bộ GD & ĐT.

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2019 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGD&ĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ GD&ĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng trường Mầm non Giao Nhân.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Công khai thông tin chung về cơ sở giáo dục (kèm theo báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai theo TT09/2024).

**Điều 2:** Công khai thu, chi tài chính (kèm theo báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai theo TT09/2024).

**Điều 3.** Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục mầm non.  
+ Công khai thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên năm học 2025-2026 (Kèm theo biểu mẫu 01).

+ Công khai thông tin cơ sở vật chất năm học 2025-2026 (Kèm theo biểu mẫu 02).

+ Công khai thông tin về kết quả đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục (kèm theo báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai theo Thông tư 09/2024/TT- BGD).

**Điều 4:** Công khai kết quả hoạt động giáo dục mầm non năm học 2025-2026 (theo biểu mẫu 03)

**Điều 5:** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các bộ phận của Trường Mầm non Giao Nhân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các bộ phận liên quan;
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Vũ Thị Ngọc Minh**

*Giao Hưng, ngày 15 tháng 6 năm 2026*

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Về việc thực hiện Quy chế công khai Theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT  
ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2025-2026**

**I. Thời gian:** vào lúc 08 giờ 05, ngày 15 tháng 6 năm 2026

**II. Địa điểm:** tại văn phòng Trường Mầm non Giao Nhân

**III. Thành phần tham dự:**

- |                         |   |
|-------------------------|---|
| 1. Bà: Vũ Thị Ngọc Minh | - Chức vụ: Hiệu trưởng                      |
| 2. Bà: Trần Thị Nhị     | - Chức vụ: Phó hiệu trưởng                  |
| 3. Bà: Mai Thị An       | - Chức vụ: Phó hiệu trưởng                  |
| 4. Bà: Mai Thị Duyên    | - Chức vụ: Tổ trưởng tổ Mẫu giáo            |
| 5. Bà: Nông Thị Lệ      | - Chức vụ: Tổ trưởng NT                     |
| 6. Bà: Nguyễn Thị Thanh | - Chức vụ: Tổ trưởng tổ Văn phòng – Thư ký  |
| 7. Bà: Nguyễn Thu Hương | - Chức vụ: Kế toán                          |
| 8. Ông: Mai Văn Tới     | - Chức vụ: Hội trưởng Ban đại diện hội CMHS |

**IV. Nội dung:**

Trường mầm non Giao Nhân đã tiến hành niêm yết công khai về việc thực hiện Quy chế công khai năm học 2025-2026 theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*(Kèm theo 03 biểu mẫu và Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai theo Thông tư 09/2024/TTBGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2025-2026)*

Người niêm yết: Bà: Vũ Thị Ngọc Minh

Địa điểm niêm yết: Niêm yết tại bảng tin tại nhà trường và trang Website:  
<https://mngiaonhan.ninhbinh.edu.vn>

Thời gian niêm yết: Tối thiểu 30 ngày kể từ ngày 15/6/2026 đến hết ngày 15/7/2026.

Biên bản được lập xong vào lúc 09 giờ 00 phút cùng ngày, 100% các thành phần tham dự nghe và nhất trí.

**THƯ KÝ**



**Nguyễn Thị Thanh**

**CHỦ TỌA**



**HIỆU TRƯỞNG**

*Vũ Thị Ngọc Minh*

Giao Hưng, ngày 15 tháng 6 năm 2026

## BÁO CÁO

Kết quả thực hiện quy chế công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT  
ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo  
Năm học 2025-2026

### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Giao Nhân

2. Địa chỉ trụ sở: Địa chỉ trụ sở chính: Xóm Trường Thành, Xã Giao Hưng, tỉnh Ninh Bình.

Điện thoại: Số điện thoại 0947714438 Email: [mngiaonhan6789@gmail.com](mailto:mngiaonhan6789@gmail.com)

Website: <https://mngiaonhan.ninhbinh.edu.vn>

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường Mầm non công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu:

**Sứ mạng:** Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân.

Tạo dựng đội ngũ giáo viên đạo đức, giỏi chuyên môn – là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội. Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ.

**Tầm nhìn:** Xây dựng nhà trường đạt chuẩn về việc chăm sóc giáo dục và phát triển tối đa những tố chất thông minh của trẻ ngay từ nhỏ.

Khuyến khích trí tò mò tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ sẽ giúp các con tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, giúp các con có khả năng tư duy độc lập, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng nâng cao của đông đảo phụ huynh trong và ngoài địa bàn, là sự lựa chọn đầu tiên cho các bậc cha mẹ có con trong độ tuổi mầm non.

**Mục tiêu:** Xây dựng môi trường giáo dục hiện đại trong đó đề cao sự phát triển cá tính và năng khiếu riêng biệt của trẻ Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trong những năm tiếp theo. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả

## 5. Quá trình hình thành và phát triển Nhà trường:

Trường được thành lập theo quyết định số 4308/QĐ- UBND ngày 01/11/2010 của chủ tịch Ủy ban nhân dân thành huyện Giao Thủy V/v chuyển đổi Trường mầm non bán công sang Trường mầm non công lập;

Trường có 01 điểm trường, địa chỉ: Xóm Trường Thành, Xã Giao Hưng, tỉnh Ninh Bình

Trên 20 năm thành lập và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương.

Trường được công nhận chuẩn quốc gia mức độ I theo Quyết định Số 1600/QĐ-UBND ngày 17/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định; công nhận lại trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ II theo Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định, chuẩn KĐCLGD cấp độ III theo Quyết định Số 576 /QĐ-SGDĐT ngày 14/3/2022 của Giám đốc Sở GDĐT tỉnh Nam Định; Chuẩn xanh sạch đẹp an toàn cấp độ II theo Quyết định Số 575 /QĐ-SGDĐT ngày 14/3/2022 của Giám đốc Sở GDĐT tỉnh Nam Định.

- Tập thể nhà trường đạt các danh hiệu thi đua về Thực hiện nhiệm vụ năm học qua các năm học cụ thể như sau :

### \* Danh hiệu thi đua

Năm học	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2020-2021	Tập thể Lao động Tiên tiến	Quyết định số 3515/QĐ-UBND huyện Giao Thủy, ngày 06/7/2021
2021- 2022	Cờ thi đua của UBND tỉnh Nam Định	Quyết định số 1512/QĐ-UBND tỉnh Nam Định, ngày 17/8/2022
2022- 2023	Bằng khen của UBND tỉnh Nam Định	Quyết định số 1593/QĐ-UBND tỉnh Nam Định, ngày 16/8/2023
2023-2024	Tập thể Lao động Tiên tiến	Quyết định số 4237/QĐ-UBND huyện Giao Thủy, ngày 13/8/2024

Tập thể nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ nhiều năm liền. Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đầy đủ về số lượng đảm bảo về chất lượng, tư cách phẩm chất đạo đức tốt, tay nghề vững vàng, có năng lực, nhiệt tình và năng động trong công tác, có kinh nghiệm trong quản lý và giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Qua những thành tích đạt được trường Mầm non Giao Nhân luôn phấn đấu giữ vững danh hiệu và hoàn thành tốt mục tiêu giáo dục đề ra cho những năm sau.

## 6. Thông tin đại diện pháp luật:

Họ và tên: Vũ Thị Ngọc Minh. Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Giao Nhân, Xóm Trường Thành, Xã Giao Hưng, tỉnh Ninh Bình - Điện thoại: 0947714438 Email: [Binhminhanh8178@gmail.com](mailto:Binhminhanh8178@gmail.com)

## 7. Tổ chức bộ máy:

Trường được thành lập theo quyết định số 4308/QĐ- UBND ngày 01/11/2010 của chủ tịch Ủy ban nhân dân thành huyện Giao Thủy V/v chuyển đổi Trường mầm non bán công sang Trường mầm non công lập và QĐ số 40/QĐ-UBND ngày 07/7/2025 của UBND xã Giao Hưng về việc tiếp nhận, quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn xã Giao Hưng, tỉnh Ninh Bình, nay gọi là Trường mầm non Giao Nhân.

Quyết định số 103/QĐ-MNGN ngày 15/8/2025 của Trường Mầm non Giao Nhân về việc thành lập các tổ, khối chuyên môn. Các Quyết định số 104/QĐ-MNGN, QĐ số 104.1/QĐ-MNGN, QĐ số 104.2/QĐ-MNGN, QĐ số 104.3/QĐ-MNGN, QĐ số 105/QĐ-MNGN, QĐ số 105.1/QĐ-MNGN về việc bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó của Trường Mầm non Giao Nhân.

STT	Họ tên	Chức danh
1	Vũ Thị Ngọc Minh	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng
2	Trần Thị Nhị	Phó Bí thư Chi bộ- Phó Hiệu trưởng
3	Mai Thị An	Phó Hiệu trưởng
4	Nguyễn Thị Thanh	Giáo viên - Tổ trưởng TVP
5	Vũ Thị Duyên	Giáo viên – BT ĐTN, tổ phó tổ Nhà trẻ
6	Mai Thị Duyên	Giáo viên - Tổ trưởng tổ Mẫu giáo
7	Nông Thị Lệ	Giáo viên - Tổ trưởng tổ Nhà trẻ
8	Bùi Thị Kim Oanh	Giáo viên - Tổ phó tổ Mẫu giáo
9	Nguyễn Thị Mai	Tổ trưởng Tổ dinh dưỡng

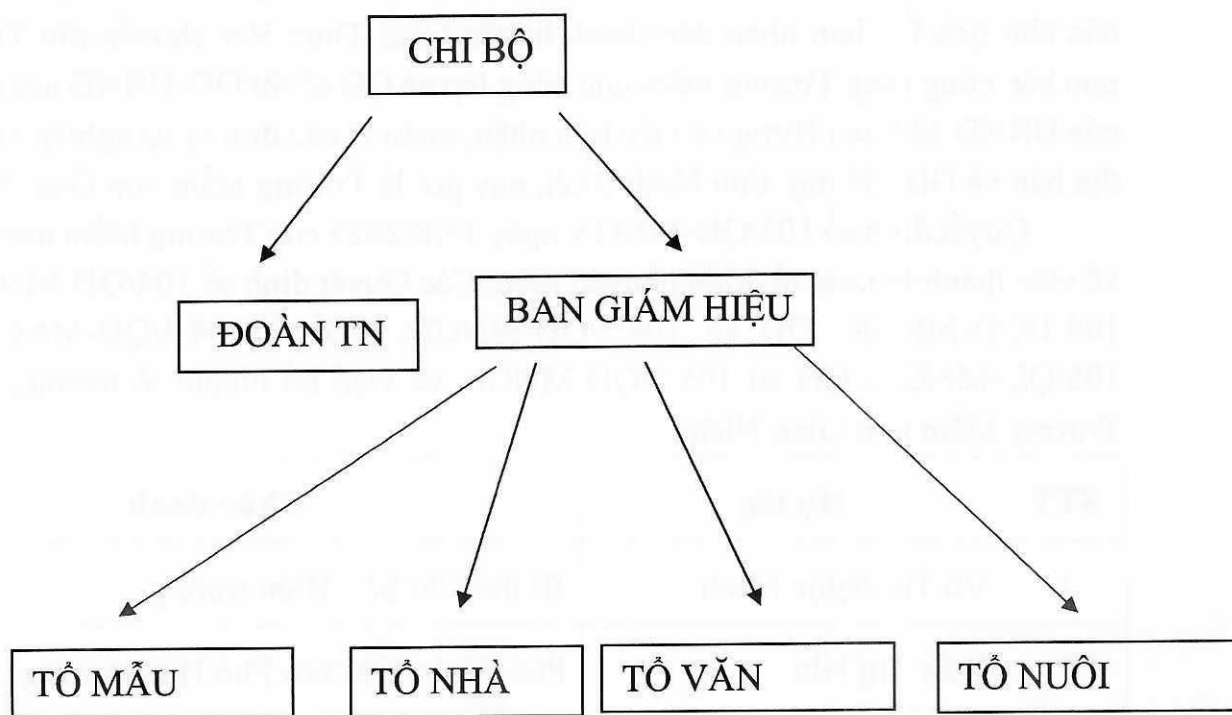
Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Giao Thủy về bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trường học cho bà Vũ Thị Ngọc Minh giữ chức vụ hiệu trưởng từ ngày 18/01/2024.

Quyết định số 6727/QĐ-UB ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Giao Thủy về việc điều động và bổ nhiệm chức vụ quản lý trường học cho bà Mai Thị An giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Mầm non Giao Nhân từ ngày 01/01/2024.

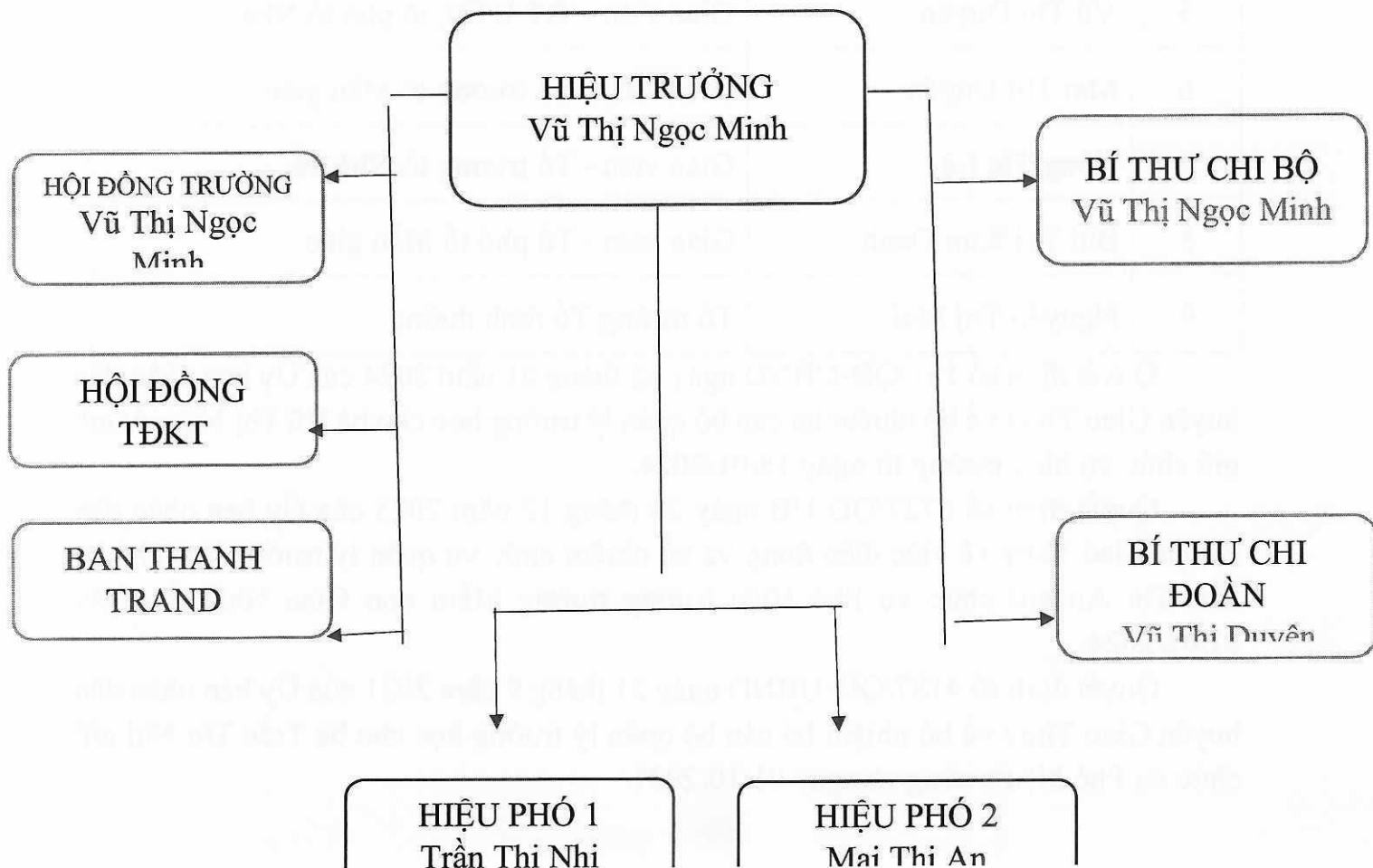
Quyết định số 4187/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Giao Thủy về bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trường học cho bà Trần Thị Nhị giữ chức vụ Phó hiệu trưởng từ ngày 01/10/2021.

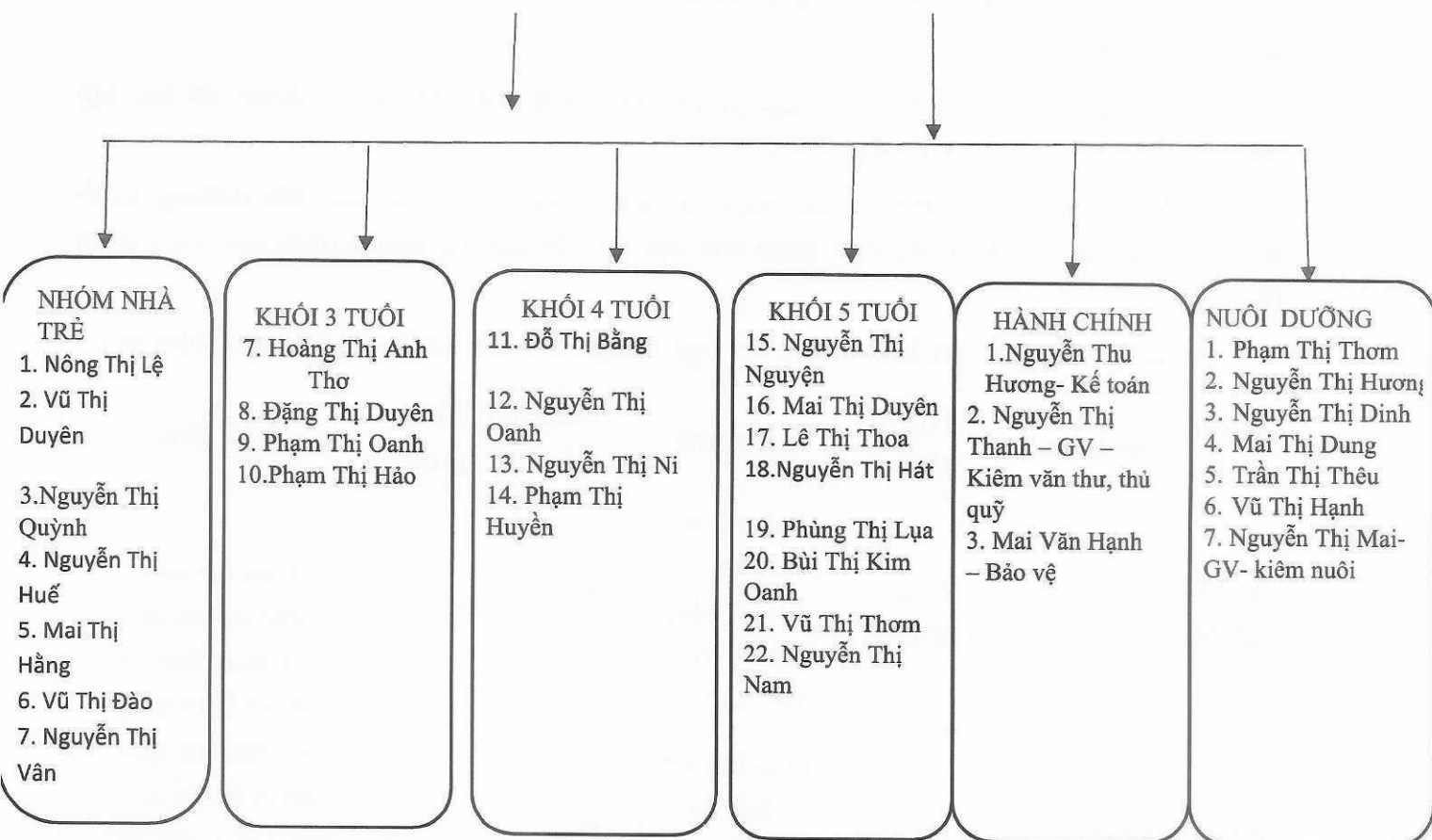
\* Sơ đồ bộ máy trường theo Thông tư số 52/2020/TT- BGDĐT ngày 32/12/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Trường mầm non.

### SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ TRƯỜNG



### SƠ ĐỒ BỘ MÁY TRƯỜNG





## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

### 1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên năm học

**2025-2026:** (Kèm theo biểu 01)

\* Năm học 2025 - 2026 trường có: Tổng số 37 đồng chí trong đó:

- Biên chế: 29 đ/c CBGV, 01 đ/c nhân viên kế toán

+ Trình độ: 25 CBGVNV có trình độ Đại học, 5 Cao đẳng,

+ Số lượng CBGV được chia theo chức danh nghề nghiệp: Hạng IV: 01 đ/c; hạng III: 23 đ/c; hạng II: 06 đ/c.

- Nhân viên hợp đồng: 7 đ/c

- Công tác tham mưu tuyển dụng biên chế và lao động hợp đồng: Tham mưu với các cấp có thẩm quyền tuyển dụng, điều động bổ sung nhân viên đảm bảo theo cơ cấu quy định.

- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn và nâng chuẩn: Nhà trường đã tạo điều kiện cho giáo viên, nhân viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng để nâng chuẩn.

- Công tác BDTX cán bộ quản lý và giáo viên: Nhà trường xây dựng, triển khai và tổ chức học tập theo đúng kế hoạch. 100% CB, GV xây dựng kế hoạch học tập của cá nhân.

- Kết quả thực hiện:

Phân công hợp lý đội ngũ cán bộ giáo viên nhân viên. Trong năm học có 6 giáo viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, còn lại 23 giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ

+ Tình hình đội ngũ: Tỷ lệ giáo viên/nhóm lớp nhà trẻ, mẫu giáo chưa đảm bảo theo quy định.

+ Công tác BDTX cán bộ quản lý và giáo viên: 29/29 CB, GV tham gia học tập BDTX, 29 cán bộ giáo viên đạt kết quả tốt.

- Số lượng gia, cán bộ giáo viên và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo:

+ Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trong năm học và 2 năm tiếp theo như sau:

Năm học	Số lượng		Hình thức	Nội dung	Trình độ	Thời gian	Ghi chú
2025-2026	Giáo viên	02	Vừa học vừa làm	Đào tạo về chuyên môn để đáp ứng vị trí việc làm	Đại học	2 năm	Căn cứ vào chương trình, thời gian học do cơ sở Đào tạo, bồi dưỡng quy định để bố trí, sắp xếp công tác cho phù hợp
2026-2027	Nhân viên	01	Vừa học vừa làm	Đào tạo về chuyên môn để đáp ứng vị trí việc làm	Đại học	02 năm	

### III. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT (Kèm theo biểu 02)

Nhà trường có diện tích đất rộng 7642m<sup>2</sup> đã có trích lục bản đồ nhưng chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; với diện tích đất bình quân 15,07m<sup>2</sup>/trẻ đảm bảo điều kiện diện tích đất theo tiêu chuẩn quy định. Trường có đủ khối phòng hành chính-quản trị, khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập, khối phòng tổ chức ăn cho trẻ đảm bảo đạt chuẩn cơ sở vật chất Mức độ 1 theo Thông tư 13/2020/TT- BGDĐT ngày 26/5/2020. Các lớp học sạch sẽ, trang trí sáng đẹp có đồ dùng, đồ chơi thiết bị dạy học đạt trên 90% đồ dùng theo danh mục tối thiểu, có đủ nhà vệ sinh phục vụ cho trẻ.

Trên sân trường trồng nhiều cây xanh, cây hoa, cây cảnh... sắp xếp hợp lý, vừa tạo bóng mát cho trẻ vui chơi, vừa tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ và tổ chức các hoạt động, giờ chơi ngoài trời, đồng thời giáo dục các con tình yêu thiên nhiên, ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường.

### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ theo các Thông tư, công văn hướng dẫn của Bộ GDĐT về Kiểm định chất lượng giáo dục đối với trường mầm non, căn cứ kết quả hoạt động của nhà trường trong những năm qua, trường Mầm non Giao Nhân tự đánh giá về mức độ đáp ứng các Quy định về tiêu chuẩn

Trên cơ sở nhận định mức độ đạt được:

- Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 22/22      Tỷ lệ : 100%
- Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 21/22      Tỷ lệ : 95.5%
- Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 16/22      Tỷ lệ : 72.7%
- Số lượng tiêu chí đạt mức 4: 2/6      Tỷ lệ : 33.3%

**Kết quả xây dựng trường đạt Chuẩn quốc gia qua các mốc thời gian**

STT	Năm được công nhận	Quyết định công nhận	Giai đoạn	Được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ	Ghi chú
1	2017	Số 1600/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định	2017-2021	I	
2	2022	Số 523 /QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định	2022-2026	II	

- Năm học 2026-2027, nhà trường tiếp tục duy trì tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia để được cấp có thẩm quyền công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 3 giai đoạn 2026-2030.

**Kết quả xây dựng trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục qua các mốc thời gian:**

STT	Năm được công nhận	Quyết định công nhận	Giai đoạn	Được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ	Ghi chti
1	2022	Số 576 /QĐ-SGDĐT ngày 14/3/2022 của Giám đốc Sở GDĐT tỉnh Nam Định	2022-2026	III	

Năm học 2026-2027, nhà trường tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng lại trường đạt Kiểm định chất lượng để được cấp có thẩm quyền công nhận trường đạt Kiểm định chất lượng cấp độ 3 giai đoạn 2026-2030.

- Kết quả xây dựng trường đạt chuẩn Xanh-Sạch- Đẹp- An toàn qua các mốc thời gian:

STT	Năm được công nhận	Quyết định công nhận	Giai đoạn	Được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ	Ghi chti
-----	--------------------	----------------------	-----------	--	----------

1	2022	Số 575/QĐ-SGDĐT ngày 14/3/2022 của Giám đốc Sở GDĐT tỉnh Nam Định	2022- 2026		
---	------	--	---------------	--	--

Năm học 2026-2027, nhà trường tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng lại trường đạt chuẩn Xanh-Sạch- Đẹp- An toàn – Hạnh phúc để được cấp có thẩm quyền công nhận trường đạt chuẩn Xanh-Sạch- Đẹp- An toàn – Hạnh phúc giai đoạn 2026-2030

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

**Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học 2025-2026. (Kèm theo biểu 03)**

+ Công tác huy động số lượng: Nhà trường huy động được 417 trẻ ra lớp. Trong đó có 91/162 trẻ ở độ tuổi Nhà trẻ đạt 56,2% so với dân số trong độ tuổi, 326/326 trẻ ở độ tuổi Mẫu giáo đạt 100% dân số độ tuổi. Trong đó có 145/145 trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100% dân số độ tuổi.

+ Trường có xây dựng khẩu phần ăn cho trẻ đủ chất dinh dưỡng, thường xuyên kiểm tra, giám sát giờ ăn, ngủ, vệ sinh của các nhóm/lớp.

+ Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ: Việc xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, đảm bảo an toàn cho trẻ theo Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng tránh tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN; việc triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 quy định về công tác y tế trường học; công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ trong các cơ sở GDMN.

+ 98,6% số trẻ ra lớp tham gia bán trú, trong năm học nhà trường luôn đảm bảo VSATTP, đã ký kết các nhà cung cấp thực phẩm được cấp phép hoạt động để cung cấp thực phẩm. Trẻ đến lớp được đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất lẫn tinh thần, mọi yếu tố đều đảm bảo an toàn theo thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng tránh tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN;

+ Nâng cao chất lượng giáo dục: Thực hiện chương trình GDMN, thực hiện chuyên đề giáo dục vận động, Chuyên đề lấy trẻ làm trung tâm.

+ Trang bị đồ dùng, dụng cụ, đồ chơi cho các phòng, nhóm/lớp, và các tài liệu liên quan đến chương trình giáo dục mầm non cho giáo viên. Tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp tập huấn về thực hiện chương trình GDMN và tổ chức triển khai chương trình GDMN trong toàn trường.

### - Kết quả thực hiện:

\* Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

+ Tỷ lệ trẻ ăn bán trú 411/417 đạt tỷ lệ 98,6%, mức ăn bán trú 19.000đ/trẻ/ngày.

+ Tỷ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân 1/417 trẻ là 0,2%

+ Tỷ lệ trẻ SDD thể thấp còi 3/417 trẻ là 0,7%

+ Tỷ lệ trẻ thừa cân béo phì là: 4/417 trẻ là 0,96%

Thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, tổ chức có hiệu quả các hoạt động theo kế hoạch ngày, tuần, tháng, năm học.

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

### 1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Đối với các cơ sở giáo dục công lập: công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính. (Thực hiện theo quy định tại thông tư 61, được sửa đổi, bổ sung bởi thông tư 90, thông tư 19, thông tư số 16,...)

**2. Học phí và các khoản thu khác từ người học:** mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo

- Năm học 2025-2026:

+ **Học phí:** Trẻ độ tuổi Nhà trẻ, 3T, 4T, 5T được miễn 100% học phí

( Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực GD&ĐT)

+ **Các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục:** Căn cứ công văn số 927/SGDĐT-TC ngày 25/9/2025 của Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình về việc thực hiện các khoản thu tại cơ sở giáo dục công lập năm học 2025-2026;

STT	Nội dung thu	Mức thu nhà trường đã thỏa thuận cha mẹ học sinh	Nguyên tắc thu thỏa thuận
1	Tiền nước uống học sinh	10.000 đồng/hs/tháng	Thu theo số tháng thực học
2	Dịch vụ vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh	18.000 đồng/hs/tháng	Thu theo số tháng thực học, không quá 10 tháng trong 01 năm học
3	Dịch vụ trả công thuê người nấu ăn bán trú	100.000đồng/hs/tháng	Thu theo số tháng thực nuôi ăn bán trú
4	Dịch vụ quản lý, chăm sóc trẻ (học sinh) buổi trưa ăn bán trú và ngoài giờ hành chính	6.000đồng/trẻ /ngày	Thu theo thực tế ăn bán trú
5	Dịch vụ ăn bán trú	20.000đồng/trẻ /ngày	Thu theo ngày thực tế ăn bán trú

- Dự kiến cho 02 năm học tiếp theo (năm 2026-2027 và năm học 2027-2028): Tương tự các đầu mục, nội dung, mức thu như năm học 2025-2026. Khi có sự thay đổi, phát sinh (về đầu mục, nội dung, mức thu) so với năm học trước liền kề theo các Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, nhà trường sẽ cập nhật kịp thời, thông báo tới cha mẹ học sinh về những khoản bắt buộc phải đóng góp theo nghĩa vụ; thực hiện việc xây dựng dự toán thu chi để thỏa thuận với cha mẹ học sinh về các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, báo cáo cấp có thẩm quyền, thống nhất tổ chức thực hiện bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích sau khi được cấp có thẩm quyền có ý kiến, phê duyệt.

**3. Các khoản chi năm 2025 và 6 tháng đầu năm 2026:** các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị:

STT	Nội dung	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
<b>A.</b>	<b>PHÂN THU NGÂN SÁCH</b>	<b>5.955.461.000</b>	
	<b>Ngân sách nhà nước cấp</b>	<b>5.955.461.000</b>	<b>3.126.818.000</b>
<b>I.</b>	Nhóm mục thanh toán cá nhân (từ mục 6000-6400)	4.863.941.494	2.357.051.800
	Nhóm mục chi về hàng hóa, dịch vụ (từ mục 6500-7050)	452.901.700	389.227.000
	Mua sắm tài sản (Mục 6950)	90.170.000	
	Chi khác (7750)	548.446.806	380.540.000
<b>B.</b>	<b>CÁC KHOẢN THU, CHI TẠI ĐƠN VỊ</b>	<b>2.395.171.889</b>	
<b>I.</b>	<b>CÁC KHOẢN DỊCH VỤ</b>	<b>409.110.000</b>	
<b>1.</b>	<b>Thu học phí + Cấp bù học phí</b>	<b>259.290.000</b>	
-	- Thu tại đơn vị	123.705.000	
-	- Thu tiền nguồn cấp bù	368.605.000	328.640.000
-	+Trích 40% làm nguồn cải cách tiền lương	196.924.000	
+	+Trích 60% Chi nghiệp vụ chuyên môn và tăng cường cơ sở vật chất, chi hoạt động thường xuyên theo quy định .	295.386.000	
+	+ Số chênh lệch còn chưa chi (chuyển năm sau)	0	
<b>2.</b>	<b>Học thêm</b>		
-	Thu	293.095.000	

-	Chi	293.095.000	
+	- Chi nộp 2% thuế	5.861.900	
+	- Chi cho giáo viên	201.063.100	
+	- Chi cho quản lý	43.085.000	
+	- Chi điện, nước	5.990.000	
+	- Chi tăng cường CSVC	43.085.000	
<b>II.</b>	<b>CÁC KHOẢN THU KHÁC</b>	<b>2.460.036.306</b>	
1	Tiền nước uống	42.640.000	20.390.000
2	Tiền Vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh	76.752.000	36.702.000
3	Tiền thuê cô nấu ăn	416.100.000	199.300.000
4	Tiền bán trú (tiền ăn + tiền chất đốt)	1.455.960.000	675.440.000
5	Tiền trực trưa	436.788.000	202.632.000
6	Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu	24.796.306	
7	Tiền UBND xã hỗ trợ	7.000.000	
8	Vận động tài trợ	0	
9	Học thêm hè	0	
<b>III.</b>	<b>CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ</b>	<b>4.670.000</b>	<b>1.500.000</b>
1	Hỗ trợ tiền ăn trưa	2.720.000	
2	Hỗ trợ CPHT	1.950.000	750.000

- Nội dung, số liệu công khai các khoản chi lương, chuyên môn, chi khác,...năm học 2025-2026: Nhà trường sẽ cập nhật số liệu để công khai bảo đảm đầy đủ nội dung, đúng thời hạn theo quy định.

**4. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ ăn trưa đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội:**

- Số liệu về kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2025-2026:

STT	Nội dung	Số trẻ (HS)	Số tiền	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Tổng kinh phí học kỳ I:</b>		253.720.000 đồng	
1	Miễn học phí	393	251.200.000 đồng	
2	Giảm học phí 50% đối với trẻ con hộ cận nghèo	0		
3	Hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ thuộc diện con hộ nghèo, trẻ khuyết tật	01	600.000 đồng	

4	Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ con hộ nghèo, cận nghèo, trẻ 3,4,5T ở vùng biên giới biển	03	1.920.000 đồng	
A	<b>Tổng kinh phí học kỳ II:</b>		329.390.000 đồng	
1	Miễn học phí	419	328.640.000 đồng	
2	Giảm học phí 50% đối với trẻ con hộ cận nghèo	0	0	
3	Hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ thuộc diện con hộ nghèo	01	750.000 đồng	
4	Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ con hộ nghèo, cận nghèo, trẻ 3,4,5T ở vùng biên giới biển			

- Số liệu về kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2025-2026: Nhà trường sẽ cập nhật, tổng hợp số liệu và thực hiện công khai kịp thời theo các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên.

**5. Kết quả kiểm toán (nếu có):** thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

- Năm học 2025-2026 Nhà trường không đón Đoàn Kiểm toán Nhà nước nên không phải thực hiện kiến nghị.

## **VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

### **1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non**

Ban giám hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên.

### **2. Thực hiện các kế hoạch, đề án**

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch, đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

### **3. Công tác xã hội hóa.**

Năm học 2025-2026 nhà trường không vận động tài trợ. Năm học 2026-2027 nhà trường sẽ lựa chọn các hạng mục cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi cần ưu tiên để mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng, thay thế trước để tham mưu chính quyền địa phương xây dựng Kế hoạch vận động tài trợ theo hướng dẫn tại Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 thay thế cho thông tư 16/2018/TT-BGDĐT và trình Phòng Văn hóa – xã hội xem xét, phê duyệt; khi được Phòng Văn hóa – xã hội phê duyệt, nhà trường sẽ tiến hành tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch vận động tài trợ bảo đảm đúng trình tự, thủ tục, công khai, minh bạch, hiệu quả, chất lượng.

#### **4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin:**

Nhà trường đang thực hiện thí điểm chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục giai đoạn 2025 -2030. Xây dựng kho tài liệu trực tuyến dùng chung. Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm như kế toán Misamomisa, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm quản lý nuôi ăn bán trú, phần mềm y tế học đường, phần mềm bảo hiểm xã hội, kê khai thuế, dịch vụ công, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm Media quản lý trang web... được Ban giám hiệu quản lý trên mạng nội bộ của nhà trường.

Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Cập nhật, thống kê và báo cáo đầy đủ theo quy định. Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của trẻ; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định.

Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ. Nhà trường định hướng cho giáo viên ứng dụng các ứng dụng như pintersest (website chia sẻ ảnh dưới dạng mạng xã hội); powerpoint (phần mềm trình chiếu để truyền tải thông tin); Articulate Studio (phần mềm biến các slide thuyết trình powerprint thành bài gairng điện tử)... trong thiết kế và hoạt động giáo dục cho trẻ.

#### **5. Công tác truyền thông :**

Nhà trường có xây dựng kế hoạch truyền thông, ra quyết định phân công người phụ trách công tác truyền thông và thực hiện báo cáo theo yêu cầu của các cấp lãnh đạo . Nhà trường đã đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non, các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường, lớp, qua trang mạng xã hội (trang fanpage Mầm non Giao Nhân, zalo nhóm lớp), thông qua website trường: <https://mngiaonhan.ninhbinh.edu.vn/>.

Các nội dung trên được công khai trên bảng tin tuyên truyền của trường và website trường: <https://mngiaonhan.ninhbinh.edu.vn/>. từ ngày 05/6/2026 đến hết ngày 10/7/2026.

Giao Hung, ngày 15 tháng 6 năm 2026

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Ngọc Minh

## THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên  
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học: 2025-2026

S TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			ThS	ĐH	CD	TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	<b>37</b>		<b>27</b>	<b>13</b>	<b>5</b>		<b>22</b>	<b>6</b>	<b>16</b>	<b>12</b>		
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>25</b>		<b>23</b>	<b>4</b>			<b>21</b>	<b>4</b>	<b>15</b>	<b>10</b>		
1	Nhà trẻ	7		7				7			7		
2	Mẫu giáo	19		15	4			14	4	15	3		
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>3</b>		<b>3</b>				<b>1</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>2</b>		
1	Q.Hiệu trưởng	1		1					1		1		
2	Phó hiệu trưởng	2		2				1	1	2			
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>8</b>			<b>1</b>	<b>6</b>							
1	Nhân viên văn thư	0											
2	Nhân viên kế toán	1			1		1				1		
3	Thủ quỹ	0											
4	Nhân viên y tế	0											
5	Nhân viên PV												
6	Nhân viên nuôi dưỡng	6				6							
7	Nhân viên bảo vệ	1											

Giao Hưng, ngày 15 tháng 06 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Vũ Thị Ngọc Minh

## THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m <sup>2</sup> /trẻ em
<b>I</b>	<b>Tổng số phòng</b>	<b>24</b>	-
1	Loại phòng học	15	1,89 m <sup>2</sup> /trẻ em
2	Phòng giáo dục nghệ thuật	1	-
3	Phòng giáo dục thể chất	1	-
4	Phòng hội đồng	1	-
5	Phòng hiệu bộ, Y tế, thư viện, văn thư	6	-
<b>II</b>	<b>Số điểm trường</b>	<b>1</b>	-
<b>III</b>	<b>Tổng diện tích đất toàn trường (m<sup>2</sup>)</b>	<b>7642</b>	<b>15,07 m<sup>2</sup>/trẻ em</b>
<b>IV</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi (m<sup>2</sup>)</b>	<b>3830</b>	<b>8,38 m<sup>2</sup>/trẻ em</b>
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích một số loại phòng</b>	<b>3059</b>	-
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m <sup>2</sup> )	1875	2,2 m <sup>2</sup> /trẻ em
2	Diện tích các phòng chức năng	304	-
3	Diện tích phòng vệ sinh (m <sup>2</sup> )	240	0,46 m <sup>2</sup> /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m <sup>2</sup> )	340	0,74 m <sup>2</sup> /trẻ em
5	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m <sup>2</sup> )	300	-
<b>VI</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>	<b>14</b>	<b>14 bộ/14 lớp</b>
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy in)</b>	<b>11</b>	-
1	Máy vi tính dành cho CB,GV,NV	6	-
2	Máy tính trẻ em	0	
3	Máy chiếu	0	
4	Máy in	4	
<b>VIII</b>	<b>Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác</b>		<b>Số thiết bị/nhóm (lớp)</b>
1	Nhạc cụ (Đàn organ)	1	-
2	Ti vi	14	
3	Máy phô tô	5	-
4	Đầu Video/đầu đĩa	8	-

5	Điều hòa	12	
6	Đồ chơi ngoài trời (loại)	19	-
7	Bàn ghế đúng quy cách (bộ)	227	-
8	Thiết bị, đồ chơi tự làm (bộ)	357	-

IX	Nhà vệ sinh	Số lượng (m <sup>2</sup> )				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	1	0	15	0	240
					Có	Không
X	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh				X	
XI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)				X	
XII	Kết nối internet (ADSL)				X	
XIII	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục				X	
XIV	Tường rào xây				X	

Giao Hưng, ngày 15 tháng 6 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Vũ Thị Ngọc Minh

**THÔNG BÁO**

**Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2025-2026**

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
<b>I</b>	<b>Tổng số trẻ em</b>	417	0	28	63	74	102	150
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	417	0	28	63	74	102	150
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	1	0	0	0	0	0	1
<b>II</b>	<b>Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú</b>	411	0	25	60	74	101	150
<b>III</b>	<b>Số TE được kiểm tra định kỳ sức khỏe</b>	417	0	28	63	74	102	150
<b>IV</b>	<b>Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng</b>	417	0	28	63	74	102	150
<b>V</b>	<b>Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em</b>							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	416	0	28	63	74	101	150
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	1	0	0	0	0	1	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	414	0	28	62	73	101	0
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	3	0	0	1	1	1	0
5	Số trẻ thừa cân, béo phì	4					1	3
<b>VI</b>	<b>Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục</b>	417	0	28	63	74	102	150
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	91	0	28	63			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	326				74	102	150

Giao Hưng, ngày 15 tháng 6 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên và đóng dấu)

  
Vũ Thị Ngọc Minh